

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên quý I năm 2026

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; trên cơ sở đề nghị của Sở Nội vụ, UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo Bộ Nội vụ kết quả công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên quý I năm 2026 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện

Công tác cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Thái Nguyên năm 2026 được các cấp, các ngành và địa phương quan tâm, triển khai đồng bộ theo nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030; Chủ tịch UBND đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2026⁽¹⁾, trong đó giao 23 nhiệm vụ trọng tâm và chỉ đạo các sở, ngành, UBND cấp xã xây dựng kế hoạch CCHC, tổ chức triển khai thực hiện bám sát các nội dung yêu cầu, bảo đảm tiến độ thời gian quy định.

Trong quý I, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện 05/23 nhiệm vụ cụ thể giao tại Kế hoạch năm 2026 như: Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC; Kế hoạch kiểm tra CCHC, kiểm tra công vụ năm 2026 và tổ chức triển khai thực hiện; Kế hoạch triển khai mô hình Chính quyền thân thiện, nhân dân phát huy quyền làm chủ tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh; xây dựng Kế hoạch thi đua, khen thưởng phong trào thực hiện cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

Thực hiện Kế hoạch của Bộ Nội vụ về triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2025, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành triển khai tự chấm điểm Chỉ số CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2025; tổ chức rà soát, cung cấp tài liệu kiểm chứng, giải trình, đánh giá các nội dung, tiêu chí báo cáo Bộ Nội vụ về kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2025 và thực hiện giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng các tiêu chí sau khi Hội đồng thẩm định đánh giá lần I theo quy định.

⁽¹⁾Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 27/12/2025 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2026.

Nhằm đánh giá, xếp hạng Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành và UBND cấp xã năm 2025, đã chỉ đạo tổ chức triển khai công tác tự chấm điểm các nội dung, tiêu chí trên hệ thống phần mềm điện tử đối với 13 sở, ban, ngành và 92 UBND cấp xã, đồng thời khảo sát mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và chỉ đạo công bố kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2025 trong quý I năm 2026.

2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch về tuyên truyền CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên năm 2026 nhằm tuyên truyền đầy đủ các nội dung, lựa chọn hình thức tuyên truyền phù hợp, đảm bảo hiệu quả, đáp ứng kịp thời, đầy đủ yêu cầu nắm bắt, tìm hiểu thông tin về CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, đồng thời, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực hiện CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công.

Trong quý I/2026, các cơ quan thông tin và truyền thông của tỉnh đã chủ động xây dựng, thực hiện kế hoạch tuyên truyền về CCHC với các tin, bài, phóng sự, chuyên mục, chuyên đề trên sóng truyền hình, sóng phát thanh và trang thông tin điện tử về CCHC, cụ thể: Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên đã thực hiện các chuyên mục, chuyên đề và 62 tin, bài, phản ánh, phóng sự liên quan đến công tác CCHC; Trung tâm Thông tin tỉnh đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh 194 tin, bài viết, video clip, đối thoại trực tuyến; các hoạt động về CCHC của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; dẫn nguồn tin tức, sự kiện và các văn bản của tỉnh, của các bộ, ngành Trung ương. Các thông tin, tuyên truyền tập trung vào nội dung chính sách pháp luật, sắp xếp bộ máy chính quyền các cấp, duy trì và cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thường xuyên được cập nhật. Trang thông tin điện tử CCHC tỉnh Thái Nguyên đăng tải 16 tin, bài, văn bản chỉ đạo, điều hành, các hoạt động về CCHC của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

3. Kiểm tra công tác CCHC

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra và thành lập đoàn kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026⁽²⁾ nhằm đánh giá đúng tình hình công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện CCHC, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu và từng cán bộ, công chức, viên chức các cấp trên địa bàn tỉnh trong xử lý công việc phục vụ người dân, doanh nghiệp.

⁽²⁾Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2026; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 12/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập đoàn kiểm tra về kiểm tra công vụ; kiểm tra công tác CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2026.

4. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: Kết quả thống kê trên Hệ thống cơ sở dữ liệu của Văn phòng Chính phủ, trong Quý I/2026, UBND tỉnh Thái Nguyên được giao 49 nhiệm vụ, đến nay, đã thực hiện hoàn thành 41 nhiệm vụ đúng thời gian quy định, đang triển khai thực hiện 08 nhiệm vụ (trong hạn), không có nhiệm vụ quá hạn.

5. Áp dụng mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính

Ngày 23/01/2026, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 128/QĐ-UBND về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, thuộc lĩnh vực CCHC trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2025, trong đó, 09 sáng kiến, giải pháp, được công nhận phạm vi ảnh hưởng (cấp tỉnh) và hiện nay đã được áp dụng vào thực tiễn, đạt hiệu quả cao (lần đầu được áp dụng) và có khả năng mở rộng áp dụng trong phạm vi toàn quốc như: Triển khai cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng Bản đồ số tỉnh Thái Nguyên phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và cung cấp dịch vụ công tại 92 xã, phường; Đợt cao điểm 45 ngày, đêm thực hiện dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng phần mềm cài đặt trên điện thoại di động “Theo dõi, thông báo tình hình giao thông”; Phần mềm dữ liệu thông tin và phương tiện cơ giới; Xây dựng tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên môi trường điện tử; Giải pháp tổ chức, sắp xếp các Quỹ tài chính thuộc tỉnh Thái Nguyên; Giải pháp sắp xếp các tổ chức hội của tỉnh Thái Nguyên; Giải pháp nâng cao hiệu quả việc xây dựng, ban hành và quản lý chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Công tác tham mưu xây dựng, kiểm tra và rà soát, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, văn bản QPPL được tỉnh Thái Nguyên quan tâm, chỉ đạo thực hiện; trách nhiệm người đứng đầu trong công tác xây dựng văn bản QPPL được nâng lên; công tác phối hợp, nhất là giữa cơ quan được giao chủ trì xây dựng và cơ quan thẩm định ngày càng hiệu quả.

UBND tỉnh giao Sở Tư pháp đơn đốc tham mưu xử lý văn bản QPPL chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy bằng các hình thức phù hợp như bãi bỏ, thay thế hoặc ban hành mới theo quy định; báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Đề án số 15-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

Công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL tiếp tục được HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo tăng cường về chất lượng, đảm bảo kịp thời, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng. Các thủ tục như đánh giá tác động của chính sách, đánh giá tác động của TTHC, phương pháp, thời gian lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản, hoạt động phản biện xã hội trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ngày càng được quan tâm đổi mới, đảm bảo chất lượng và hiệu quả; trong quý I năm 2026, tỉnh Thái Nguyên ban hành 38 văn bản QPPL (trong đó ban hành 10 Nghị quyết, 28 Quyết định).

1.2. Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

Trong quý I năm 2026, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 bãi bỏ một số quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên và UBND tỉnh Bắc Kạn (*trước sáp nhập*); ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 về việc công bố danh mục văn bản QPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ và một phần năm 2025; ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện công tác pháp chế, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Sở Tư pháp đã thực hiện báo cáo rà soát, thống nhất tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định giờ bán hàng, dừng bán hàng tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh; rà soát, tham mưu áp dụng trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL; rà soát các văn bản còn hiệu lực liên quan đến Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 thuộc thẩm quyền quản lý; lập danh mục và báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản liên quan đến lao động, bảo hiểm xã hội, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động; báo cáo công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Báo cáo số 50/BC-STP ngày 12/02/2026).

1.3. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch tổ chức thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026. Tổ chức tập huấn trực tuyến sử dụng phần mềm Cơ sở dữ liệu Xử lý vi phạm hành chính tỉnh Thái Nguyên; giao Sở Tư pháp tổ chức làm việc, thống nhất kết quả kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2025 đối với 10 đơn vị³, hướng dẫn nghiệp vụ xử phạt vi phạm hành chính, ban hành Kế hoạch công tác tổ chức thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2026.

1.4. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026. Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, Chủ tịch Hội đồng phối hợp

³phường Phan Đình Phùng, phường Trung Thành; các xã: Na Rì, Ngân Sơn, Chợ Mới, Thanh Mai, Tân Cương, An Khánh, Bạch Thông, Phú Thịnh.

phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh đã ban hành Kế hoạch tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; văn bản truyền thông, phổ biến các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10 và văn bản phát động cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, sau 30 ngày tổ chức (từ 00h00 ngày 10/01/2026 đến hết ngày 10/02/2026), Cuộc thi đã có tổng số 80.780 người tham gia dự thi - là cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến do Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh tổ chức có số lượng người tham gia dự thi đông nhất từ trước tới nay trên địa bàn tỉnh.

Sở Tư pháp đã triển khai thực hiện Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 30/12/2025 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về thực hiện Đề án số 03-ĐA/TU ngày 05/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về "Tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030" năm 2026; hướng dẫn một số nội dung về công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 2025; ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026. Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 279/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả kiểm soát TTHC; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Trong Quý I năm 2026, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành các văn bản chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát TTHC như: Kế hoạch kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2026; Kế hoạch truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2026,...

Ban hành 82 Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC với 1.646 TTHC (công bố mới: 804 TTHC; bãi bỏ: 842 TTHC); kịp thời cập nhật, tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và công khai đầy đủ tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp, trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của đơn vị; trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt toàn bộ quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC với các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của các sở, ngành làm cơ sở để xây dựng quy trình điện tử trong giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc niêm yết, công khai nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; thực hiện quản lý, vận hành, duy trì kết nối, đảm bảo thông suốt, liên tục Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Từ ngày 15/12/2025 đến ngày 14/03/2026, UBND tỉnh Thái

Nguyên tổ chức tiếp nhận 88 phản ánh, kiến nghị (83 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; 05 phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính) thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức (Trong đó, trả lời và đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo đúng quy định 78 phản ánh, kiến nghị; đang trong thời hạn giải quyết 10 phản ánh, kiến nghị).

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh tiếp tục thực hiện tốt hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận giải quyết hồ sơ TTHC, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân đến Trung tâm đề nghị giải quyết TTHC. Quý I năm 2026, tỉnh Thái Nguyên đã tiếp nhận 219.573 hồ sơ (trong đó kỳ trước chuyển sang 22.945 hồ sơ; tiếp nhận mới (trực tiếp hoặc qua DV bưu chính) 3.112 hồ sơ; tiếp nhận trực tuyến 193.516 hồ sơ); trong đó đã xử lý 199.058 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,86%.

- Kết quả triển khai Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia của tỉnh Thái Nguyên đến thời điểm báo cáo, điểm tổng hợp đạt 95,98/100 điểm; xếp thứ 04/34 tỉnh, thành phố, trong đó: Điểm số trực nội dung Công khai minh bạch đạt 18/18 điểm; điểm số trực nội dung Tiến độ giải quyết đạt 19,68/20 điểm; điểm số trực nội dung Dịch vụ công trực tuyến đạt 20/22 điểm; điểm số trực nội dung Mức độ hài lòng 17,94/18 điểm; điểm số trực nội dung Số hóa hồ sơ, kết quả TTHC đạt 20,36/22 điểm.

3. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước

3.1. Thực hiện đúng các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại đơn vị

Trong quý I năm 2026, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành các quyết định sửa đổi quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 05 Sở, ngành: Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Tư pháp. Các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện đúng các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức theo đúng quy định.

3.2. Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết tạm quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã, số lượng

người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2026; Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết tạm giao biên chế năm 2026. UBND tỉnh ban hành Quyết định tạm giao biên chế năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Quyết định điều chỉnh tạm giao biên chế năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh⁴. Năm 2026, tổng biên chế được giao là 41.089 người (trong đó: biên chế công chức là 7.010 người, viên chức là 34.079 người). UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện quản lý, sử dụng biên chế theo quy định. Qua rà soát, các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng biên chế bảo đảm không vượt quá số lượng được giao theo đúng quy định.

3.3. Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước tại địa phương

Việc triển khai các quy định về phân cấp quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh được các cơ quan quan tâm tổ chức thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng quy định của Trung ương và của tỉnh. Thông qua các văn bản về phân cấp, phân định thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và các địa phương được xác định rõ hơn, góp phần nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong quản lý, điều hành; rút ngắn thời gian giải quyết công việc, giảm khâu trung gian, tạo thuận lợi cho tổ chức và người dân trong thực hiện thủ tục hành chính. Các lĩnh vực được phân cấp cơ bản được thực hiện ổn định, phù hợp với năng lực quản lý của từng cấp, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Trong quá trình thực hiện, các cơ quan thường xuyên rà soát, đánh giá, đề xuất điều chỉnh để bảo đảm đồng bộ với các quy định mới của Trung ương và phù hợp hơn với thực tiễn quản lý tại địa phương.

3.4. Về chính quyền địa phương

Thực hiện quy định của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính tại Nghị định số 307/2025/NĐ-CP, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 25/12/2025 về triển khai thực hiện phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đồng thời giao Sở Nội vụ hướng dẫn và triển khai một số nội dung phân loại đơn vị hành chính cấp xã, xây dựng và ban hành kèm theo mẫu Đề án, hệ thống bảng biểu tính toán, chấm điểm, hướng dẫn cụ thể phương pháp xác định các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính cấp xã theo quy định, bảo đảm thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh. Ngày 27/02/2026, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 459/QĐ-UBND phân loại đơn vị hành chính cấp xã đối với 92 xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, theo đó, 24

⁴ Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 về việc sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã; số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước (NSNN) trong các ĐVSNCL thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2026; Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 về việc sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã; số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước (NSNN) trong các ĐVSNCL thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2026.

xã, phường là đơn vị hành chính cấp xã loại I, 65 đơn vị hành chính cấp xã loại II và 03 đơn vị hành chính cấp xã loại III. Việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã còn là căn cứ quan trọng để xây dựng, tổ chức bộ máy chính quyền cơ sở; xác định cơ cấu tổ chức, số lượng cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện chế độ, chính sách và giao biên chế phù hợp với từng loại đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Nghị định 300/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025 của Chính phủ về quy định khung số lượng Phó Chủ tịch UBND, số lượng và cơ cấu Ủy viên UBND; trình tự, thủ tục đề nghị phê chuẩn kết quả HĐND bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND; trình tự, thủ tục điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và giao quyền Chủ tịch UBND, UBND tỉnh Thái Nguyên đã giao cho Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn, địa phương xây dựng dự thảo, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã; căn cứ vào quy mô dân số, diện tích tự nhiên, đặc điểm kinh tế - xã hội và khối lượng công việc của các xã, phường, qua đó đã xác định được 220 Phó Chủ tịch UBND cấp xã phù hợp với đặc điểm từng địa phương, nhằm bảo đảm sự lãnh đạo, điều hành kịp thời, hiệu quả; phù hợp với phân loại đơn vị hành chính và tình hình thực tiễn của cơ sở. Quyết định của UBND tỉnh quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh là cơ sở pháp lý để thực hiện kiện toàn, sắp xếp, bố trí cán bộ lãnh đạo UBND cấp xã bảo đảm đúng quy định, ổn định tổ chức bộ máy sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã. Trong quý I năm 2026, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ 05 Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã; phê chuẩn kết quả bầu chức vụ 03 Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã; Tham mưu thực hiện quy trình bầu 01 Phó Chủ tịch UBND tỉnh, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Nội vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định pháp luật.

3.5. Bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 là sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, nhằm lựa chọn những đại biểu tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân tại cơ quan quyền lực nhà nước ở Trung ương và địa phương; góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh, dân chủ và hiệu quả.

Ngay sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết công bố ngày bầu cử, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đã ban hành Chỉ thị về lãnh đạo, chỉ đạo cuộc bầu cử; Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác chuẩn bị nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về việc tổ chức cuộc bầu cử trên địa bàn tỉnh và Quyết định thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh. Toàn tỉnh Thái Nguyên có 05 đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, 29 đơn vị bầu cử đại biểu HĐND tỉnh và 730 đơn vị bầu cử HĐND cấp xã. Tổng số 20 người ứng cử để bầu 10 đại biểu Quốc hội; 90 người ứng cử để bầu 59 đại biểu HĐND tỉnh; 3.066 người ứng cử để bầu 1.906 đại biểu HĐND cấp xã; 1.503 khu vực bỏ phiếu.

Đề bảo đảm công tác tổ chức bầu cử diễn ra đúng quy định và thống nhất, UBND tỉnh đã yêu cầu 92 xã, phường chỉ đạo 1.503 khu vực bỏ phiếu tổ chức diễn tập lễ khai mạc và bầu cử vào ngày 12/3/2026, qua đó kịp thời rà soát, hoàn thiện các điều kiện cần thiết trước ngày bầu cử. 7 giờ 00 phút ngày 15/3/2026, 100% Tổ bầu cử trên địa bàn tỉnh đã đồng loạt tổ chức lễ khai mạc cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, với sự tham dự của đông đảo cử tri. Tổng số cử tri trên địa bàn tỉnh là 1.239.336 người. Số lượng cử tri tham gia bầu cử là 1.238.954 người, đạt tỷ lệ 99,97% (100% các đơn vị cấp xã có tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu từ 99,75% trở lên, trong đó có 74/92 đơn vị cấp xã có cử tri đạt tỷ lệ 100%). Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã diễn ra thành công, an toàn, tiết kiệm. Thành công của cuộc bầu cử góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao vai trò, hiệu lực của cơ quan dân cử; đồng thời khẳng định bản lĩnh, trí tuệ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức

Thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, công tác tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển) được thực hiện đúng quy định. UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác tuyển dụng công chức, viên chức phù hợp với yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy khi triển khai mô hình chính quyền hai cấp; bảo đảm việc tuyển dụng đúng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đã được phê duyệt, phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực, sở trường công tác. Quý I năm 2026, toàn tỉnh đã tuyển dụng 67 công chức và 58 viên chức theo hình thức thi tuyển, xét tuyển.

Thực hiện thâm định, ban hành quyết định điều động 30 công chức; thâm định và cho ý kiến: tiếp nhận vào làm công chức 67 trường hợp (trong đó có 30 trường hợp tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm các chức danh của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã); tiếp nhận vào làm viên chức 05 trường hợp; tiếp nhận, điều động, chuyển công tác 47 trường hợp; ký hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ đối với 13 trường hợp; biệt phái viên chức làm nhiệm vụ của vị trí việc làm công chức 03 trường hợp.

4.2. Thực hiện các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Căn cứ các quy định của Chính phủ và Bộ Nội vụ về vị trí việc làm (VTVL), bao gồm các Nghị định, Thông tư hướng dẫn hiện hành và các văn bản chỉ đạo của Bộ Nội vụ về bảo đảm nhân sự cấp xã, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ thực hiện hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương⁵ xây dựng vị trí việc làm công chức, viên chức; xác

⁵Hướng dẫn số 251/HD-SNV ngày 23/12/2025 về xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong tổ chức hành chính; vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Công văn số 233/SNV-CCVC ngày 11/01/2026 về việc điều chỉnh nội dung xây dựng vị trí việc làm công chức; Hướng dẫn số 47/HD-SNV ngày

định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định. Trên cơ sở văn bản hướng dẫn và quy định hiện hành, các cơ quan, đơn vị, địa phương đang xây dựng, hoàn thiện Danh mục, bản mô tả vị trí việc làm công chức, viên chức.

4.3. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Ban hành Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 17/12/2025 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên năm 2026, trong đó giao các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chủ trì tổ chức 340 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho tổng số 46.300 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Nội dung các chương trình bồi dưỡng tập trung vào bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; bồi dưỡng theo vị trí việc làm, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; hình thức tổ chức bồi dưỡng do các sở, ban, ngành đề xuất các nội dung, chương trình bồi dưỡng, chủ trì phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng theo quy định.

Các cơ quan, đơn vị đã cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo đúng thẩm quyền phân cấp (cử 146 lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp xã tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương tại Trường Chính trị tỉnh; cử 06 công chức tham gia lớp bồi dưỡng theo vị trí việc làm ngạch thanh tra...).

4.4. Thực hiện văn hóa công vụ

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ tại các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường thuộc tỉnh; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của chính quyền các cấp và của toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đối với thực hiện văn hóa công vụ, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, năng lực thực thi công vụ và nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, kỷ cương, năng động, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả; bảo đảm sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công vụ và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Ban hành các văn bản triển khai thực hiện

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026. Công tác quản lý tài chính - ngân sách được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện đảm bảo theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản.

5.2. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

Công tác quản lý tài chính - ngân sách được Sở Tài chính thực hiện đảm bảo theo Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản, cụ thể:

- Thu ngân sách trên địa bàn đến ngày 12/3/2026 đạt 6.302 tỷ đồng, bằng 23,7% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 23,7% dự toán Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh giao, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, thu nội địa là 5.620 tỷ đồng và bằng 23,8% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 23,8% dự toán HĐND tỉnh giao; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 590 tỷ đồng, bằng 20% dự toán Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao; các khoản viện trợ, huy động, đóng góp đạt 92 tỷ đồng.

- Chi ngân sách nhà nước địa phương đến ngày 12/3/2026 đạt 4.166 tỷ đồng, bằng 15% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 15% dự toán HĐND tỉnh giao. Chi ngân sách đáp ứng kịp thời kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an ninh - quốc phòng và đảm bảo theo dự toán được giao và tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành, các đơn vị.

5.3. Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên chủ động hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các địa phương đẩy nhanh tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

Tổng số kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao năm 2026: 6.584.811 triệu đồng; số vốn kế hoạch do địa phương giao trên địa bàn toàn tỉnh: 8.218.327 triệu đồng. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công: Lũy kế giải ngân đến ngày 13/3/2026: 827,593 triệu đồng, bằng 13% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

5.4. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị SNCL

Thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh giao Sở Tài chính thực hiện công tác xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định. Đồng thời, tiếp tục cho ý kiến đối với 100% các văn bản xin ý kiến về phương án tự chủ tài chính của các cơ quan. Hiện nay, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn toàn tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính là 1.102 đơn vị, trong đó:

- + Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: 01 đơn vị;
- + Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: 55 đơn vị;
- + Số đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 116 đơn vị;
- + Số đơn vị nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: 930 đơn vị.

5.5. Thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

5.5.1. Số liệu về tài sản công là nhà, đất trước khi sắp xếp (trước ngày 01/7/2025)

Tại thời điểm 01/01/2025, tổng số cơ sở nhà, đất là 3.090 cơ sở nhà, đất, trong đó: tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) có 1.716 cơ sở nhà, đất, tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) có 1.374 cơ sở nhà, đất. UBND tỉnh Thái Nguyên đã giao Sở Tài chính tham mưu triển khai Nghị quyết số 303/NQ-CP ngày 03/10/2025 của Chính phủ (liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công), trong đó đề nghị các cơ quan đơn vị khối tỉnh; các xã, phường rà soát, tổng hợp các cơ sở nhà, đất đang được giao quản lý, sử dụng.

5.5.2. Việc sắp xếp, xử lý tài sản công

Thực hiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) đã ban hành 02 Quyết định (Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 14/6/2025 về việc phê duyệt Phương án sắp xếp trụ sở làm việc khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 09/6/2025) và UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) đã ban hành 01 Quyết định (Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 09/6/2025 về phê duyệt phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính) theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan, thời gian ban hành đảm bảo theo Kết luận số 160-KL/TW ngày 31/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về thực hiện nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính và đảm bảo tiến độ, yêu cầu theo các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức bàn giao, tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản, đảm bảo phục vụ hoạt động ngay khi sắp xếp đơn vị hành chính. Sau khi sáp nhập tỉnh, UBND tỉnh đã tham mưu cho Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án sắp xếp, bố trí xử lý tài sản công và đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua tại Kết luận số 74-KL/TU ngày 22/8/2025.

- Tổng số cơ sở nhà đất thuộc phương án xử lý, sắp xếp nhà đất đã được UBND tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn (trước sáp nhập) phê duyệt là 748 cơ sở, đến nay, còn 27 cơ sở nhà đất tiếp tục chưa hoàn thành các thủ tục giao, điều chuyển theo phương án xử lý theo quy định. Đối với các cơ sở nhà đất các cơ quan, đơn vị không còn nhu cầu sử dụng đã chuyển giao Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý, xử lý là 63 cơ sở (không bao gồm các cơ sở đất thu hồi theo Luật Đất đai đã

giao cho Trung tâm quản lý) trong đó trước sắp xếp đơn vị hành chính là 12 cơ sở; sau sắp xếp đơn vị hành chính là 51 cơ sở.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

6.1. Về công tác triển khai thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (gọi tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP); Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP; Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; nhằm tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh phát triển toàn diện, mạnh mẽ, đột phá, tập trung vào chất lượng và hiệu quả sử dụng của người dân, doanh nghiệp, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 06/02/2026 Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026, đồng thời chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

- Trong năm 2026, tổng số nhiệm vụ được giao (tiến độ có thể theo dõi trên trang <https://theodoinq.dcs.vn>): 238 nhiệm vụ.

- + Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 120 nhiệm vụ, tỷ lệ: 50,42 %;
- + Số nhiệm vụ thường xuyên: 80 nhiệm vụ, tỷ lệ: 33,61 %;
- + Số nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn: 38 nhiệm vụ, tỷ lệ: 15,97 %;
- + Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành: 0.

6.2. Kết quả thực hiện

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Đến nay, các sở, ban, ngành, địa phương sử dụng 10 Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được triển khai từ các bộ, ngành Trung ương⁶ theo mô hình kiến trúc mới đối với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh. Đồng thời, tiếp tục duy trì Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên do Tổng công ty Viễn thông Mobifone cung cấp thử nghiệm trên địa bàn tỉnh để phục vụ việc theo dõi, tiếp nhận, giải quyết TTHC với các TTHC còn lại;

- Về triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành: Tỉnh Thái Nguyên sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành do VNPT triển khai; hệ thống hoạt động ổn định và đáp ứng yêu cầu xử lý công việc, xử lý văn bản điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành của tỉnh (*hiện tại đã cấp trên 18.000 tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức tại 148 cơ quan nhà nước ở cả 2 cấp tỉnh, xã*);

⁶ Các Bộ đã triển khai hệ thống theo mô hình mới gồm 10 Bộ, ngành: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Xây dựng, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

- Hệ thống thư điện tử tỉnh (tại địa chỉ: <http://mail.thainguyen.gov.vn>): Hệ thống tiếp tục được duy trì hoạt động ổn định. Tính đến nay toàn tỉnh đã cấp hơn 28.000 hòm thư điện tử cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh;

- Trang/cổng Thông tin điện tử: 100% Sở, ngành, xã/phường của tỉnh có trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu theo quy định; Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử các đơn vị, địa phương thường xuyên cập nhật tin/bài đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin về các hoạt động chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) tiếp tục được phát triển và khai thác hiệu quả để phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của tỉnh với Trung ương. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua LGSP lũy kế đến nay 7,3 triệu giao dịch;

- Đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành mục tiêu phủ sóng 20 thôn chưa có sóng di động theo kết quả rà soát thôn lõm sóng năm 2025. Toàn tỉnh hiện có 3.324 vị trí phát sóng (nhà trạm và cột ăng ten) với tổng số trạm BTS (2G, 3G, 4G, 5G) là 6.280 trạm, phủ sóng 99,8% dân số trong đó 70% dân số được phủ sóng 5G;

- Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công: Tính đến nay, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 95,9%; hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác là 4,1%; kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến đúng hạn đạt 99,53%; Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 89,5%; tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 89,5%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 97,3%⁷;

- Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện rà soát, đăng ký cấp mới, sửa đổi thông tin Chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các đơn vị, địa phương. Toàn tỉnh hiện có 52.427 chứng thư số hoạt động, trong đó chứng thư số tổ chức: 4.318, chứng thư số cá nhân: 48.109;

- Kết quả triển khai ứng dụng công dân số C-ThaiNguyen đến ngày 13/3/2026: Số thông tin đăng tải trên ứng dụng C-ThaiNguyen là 21 thông tin; Số phản ánh tiếp nhận từ ứng dụng C-ThaiNguyen là 5.467 phản ánh, trong đó tháng 3/2026 tiếp nhận 38 phản ánh; Số người đăng ký tài khoản trên hệ thống là 111.897, trong đó tháng 3/2026 là 96 tài khoản đăng ký;

- Chữ ký số công cộng: Đến nay, số lượng chữ ký số công cộng được cài đặt và đang hoạt động trên toàn tỉnh là 638.763 chữ ký số.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác CCHC của tỉnh luôn được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm và thường xuyên lãnh đạo chỉ đạo thực hiện; các đơn vị, địa phương quyết liệt triển

⁷ Số liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ Chương trình tổng thể CCHC nhà nước của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2030, chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình CCHC nhà nước của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030;

- UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, ban hành văn bản cụ thể hóa các chủ trương chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy về vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp; các xã, phường đã thành lập các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc đảm bảo đúng quy định, đến nay đã đi vào hoạt động ổn định, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn;

- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông cơ bản đáp ứng yêu cầu, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn cao, nhiều đơn vị không có hồ sơ quá hạn; công tác rà soát, kiểm soát TTHC được thực hiện thường xuyên, việc tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các giao dịch, giảm thời gian, chi phí khi thực hiện ...;

- Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị được triển khai thực hiện kịp thời, đảm bảo tiến độ đề ra, đảm bảo tinh gọn theo hướng hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, liên thông trong quản lý nhà nước; bộ máy các cơ quan, đơn vị được sắp xếp đúng quy định và phù hợp về chức năng, nhiệm vụ theo chỉ đạo của Trung ương;

- Công tác xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số đạt được những kết quả quan trọng đã góp phần thay đổi diện mạo hệ thống hành chính, phương thức, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, đồng thời tăng hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế số và mang lại lợi ích, thuận tiện và hiệu quả hơn trong tiếp cận các dịch vụ công và thông tin cho người dân, doanh nghiệp.

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số UBND xã, phường chưa thực sự quan tâm đến công tác CCHC, việc xây dựng kế hoạch CCHC và tổ chức thực hiện còn lúng túng;

- Việc phân bổ cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị cấp xã chưa thực sự đồng đều, chủ yếu tập trung tại các xã, phường trung tâm, một số địa phương còn thiếu cán bộ, công chức ở các vị trí việc làm như kế toán, địa chính, công nghệ thông tin nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, xã đặc biệt khó khăn;

- UBND cấp xã được phân cấp, phân quyền thêm nhiều nhiệm vụ, địa bàn rộng, dân số đông, khối lượng công việc, hồ sơ TTHC rất lớn, công chức phải kiêm nhiệm nhiều đầu việc nên có lúc quá tải, có nơi còn hồ sơ TTHC quá hạn;

- Việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn; một số dịch vụ công trực tuyến đôi lúc chưa thực sự thuận lợi cho người dân, tổ chức. Ở một số xã vùng sâu, vùng xa còn có người dân chưa có điện thoại thông minh.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2026

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch CCHC nhà nước của Chính phủ giai đoạn 2026 - 2030; Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030;

- Xây dựng Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2026; Kế hoạch nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2026 (sau khi trung ương công bố kết quả);

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ CCHC; thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Tổ chức kiểm tra CCHC, kiểm tra công vụ theo kế hoạch tại các đơn vị, địa phương, tập trung kiểm tra đột xuất nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2026;

- Quyết liệt triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, có hiệu quả Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, bãi bỏ điều kiện kinh doanh không cần thiết, giảm thời gian/chi phí tuân thủ trong năm 2026;

- Tiếp tục rà soát, công bố, công khai TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước. Triển khai thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan nhà nước;

- Triển khai có hiệu quả Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố; các chương trình, kế hoạch của tỉnh về việc thực hiện các Nghị định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Tập trung đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp đồng bộ với việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội;

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu; xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn

chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng theo vị trí việc làm, theo ngành lĩnh vực;

- Tăng cường các giải pháp đẩy mạnh thực hiện giải ngân vốn đầu tư công; đẩy mạnh lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của Chính phủ về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công đối với các đơn vị trực thuộc;

- Quyết liệt triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030.

(Có các biểu mẫu kèm theo)

Trên đây là Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính quý I năm 2026, UBND tỉnh Thái Nguyên trân trọng gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, HC-TC, TTPVHCC.

Anhmtk.3/2026.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN QUÝ I NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC				
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	21	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	21,7	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	23	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	5	
3	Kiểm tra CCHC		0	
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	49	
4.1.1	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	41	
4.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.1.3	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

II. Cải cách thể chế				
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	38	10 Nghị quyết; 28 Quyết định
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	133	17 Nghị quyết; 116 Quyết định
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	133	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	133	
III. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)				
1	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	8	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	804	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	842	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.194	85 TTHC dùng chung cho 2 cấp
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.821	
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	373	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa	Thủ tục	100	
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	2.134	

3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.98	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	57.274	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	57.261	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.80	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	141.784	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	141.509	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	88,6	
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	88	
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	78	
IV. Cải cách tổ chức bộ máy				
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	14 sở, ngành (bao gồm Ban quản lý các KCN)
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	92 đơn vị cấp xã
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	01	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	80	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1.119	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	6	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	143	04 đơn vị sự nghiệp thuộc Chi cục
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	970	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	7.010	Trong đó:
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		Cấp tỉnh: 1.579

			5.068	Cấp xã: 3.489
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	174	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	34.079	Cấp tỉnh có mặt: 5.751
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	31.744	Cấp xã có mặt: 25.993
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	2.989	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2021	%	8,4	
V. Cải cách chế độ công vụ				
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	67	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	58	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
VI. Cải cách tài chính công				
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	13	

1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	6.584.811	Số liệu đến ngày 12/3/2026
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	827.593	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	1.102	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	01	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	55	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	116	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	930	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
VII. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0; Hoàn thành = 1	1	
2	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	100	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	28,87	

4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	995	
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	287	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	761	
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	761	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	99,6	
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	88.468	
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	87.500	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	33	
4.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	88.468	
4.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	29.217	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
4.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	910	
4.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia.	Thủ tục	910	